

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày 29-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H; địa chỉ: Số 54A N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Mạnh L, chức vụ: Chuyên viên cao cấp - Phòng Tổ tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (Giấy ủy quyền số 2441/2022/GUQ-TGĐ12 ngày 14 tháng 4 năm 2022); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lã Viết N và bà Hoàng Minh P, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N thuộc đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/01/2022); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 15 tháng 10 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 11 năm 2012 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông - Chi nhánh Hải Phòng (nay đã sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam, sau đây viết tắt Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Phong (sau đây viết tắt Công ty Nam Phong) đã thỏa thuận ký hai Hợp đồng tín dụng là: Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD/MDB, Ngân hàng cho Công ty Nam Phong vay số tiền 1.300.000.000 đồng, mục đích đầu tư tài sản cố định để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn là 17,5%/năm tính trên dư nợ thực tế. Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HM0007/HĐTD/MDB, Ngân hàng cho Công ty Nam Phong vay số tiền 3.500.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn là 16,5%/năm tính trên dư nợ thực tế. Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Sau khi ký các hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Nam Phong tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng theo Giấy đề nghị nhận tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/11/2012; Khế ước nhận nợ số 06 ngày 24/10/2013; Khế ước nhận nợ số 07 ngày 25/10/2013; Khế ước nhận nợ số 08 ngày 28/10/2013; Khế ước nhận nợ số 09 ngày 29/10/2013.

Quá trình vay, đến tháng 7 năm 2015 Công ty Nam Phong đã thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông số tiền nợ gốc là 866.560.000 đồng của Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD/MDB. Ngoài ra, chưa thanh toán khoản nợ gốc, lãi nào khác. Ngày 21/7/2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông đã sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng dư nợ gốc của Công ty Nam Phong tại thời điểm chuyển từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông sang Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam là 3.933.440.000 đồng và các khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Sau đó Công ty Nam Phong đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, có văn bản làm việc thông báo cho Công ty Nam Phong biết việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông đã sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam, thông báo dư nợ của Công ty Nam Phong và yêu cầu Công ty Nam Phong thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng Công ty Nam Phong vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã làm việc trực tiếp với các chủ tài sản bảo đảm (bên thế chấp) đối với các khoản vay của Công ty Nam Phong để thu hồi nợ cho Ngân hàng, số tiền Ngân hàng đã thu nợ từ việc chấp thuận cho các bên thế chấp nộp trả nợ gốc cho Công ty Nam Phong là 2.850.000.000 đồng và giải chấp các tài sản bảo đảm cho bên thế chấp. Tính đến hết ngày 29/4/2022 Công ty Nam Phong còn nợ Ngân hàng số tiền là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Nam Phong phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến hết ngày 29/4/2022 số tiền là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 30/4/2022 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Phong thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Mê Kông Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam) để vay tổng số tiền là 4.800.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh và thời hạn vay theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 12/11/2012. Công ty Nam Phong đã nhận đủ số tiền vay do Ngân hàng giải ngân theo các khế ước nhận nợ. Quá trình vay, Công ty Nam Phong thừa nhận đã thanh toán trả được một phần số tiền nợ gốc, chưa trả được số tiền nợ lãi nào cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Nam Phong phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến hết ngày 29/4/2022 số tiền là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 30/4/2022 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quan điểm của Công ty Nam Phong thừa nhận còn nợ tiền Ngân hàng nhưng số tiền cụ thể mà Công ty Nam Phong còn nợ Ngân hàng là bao nhiêu thì Công ty Nam Phong không biết rõ, lý do vì năm 2021 Công ty Nam Phong đã thay đổi người đại diện theo pháp luật nên các sổ sách lưu trữ của Công ty Nam Phong hiện nay không có tài liệu thể hiện. Đối với khế ước nhận nợ số 06 ngày 24/10/2013 và khế ước nhận nợ số 07 ngày 25/10/2013 Công ty Nam Phong đề nghị Tòa án căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật để giải quyết. Đối với khế ước nhận nợ số 08 ngày 28/10/2013, khế ước nhận nợ số 09 ngày 29/10/2013 và giấy đề nghị nhận tiền vay kèm khế ước nhận nợ ngày 13/11/2012 Công ty Nam Phong đã thanh toán hết số tiền nợ gốc của từng khế ước vào các ngày 01/10/2017, 27/3/2017 và 28/9/2016; kể từ khi thanh toán hết nợ gốc, Công ty Nam Phong chưa thanh toán được số tiền lãi của các khoản vay theo các khế ước này; Công ty Nam Phong đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty Nam Phong trả số tiền lãi (lãi quá hạn, lãi trong hạn) của khế ước nhận nợ số 08, khế ước nhận nợ số 09 và giấy đề nghị nhận tiền vay kèm khế ước nhận nợ ngày 13/11/2012 (tổng số tiền là 1.657.721.551 đồng) và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Ngân hàng và Công ty Nam Phong là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng; về thời hiệu khởi kiện xác định thời hiệu khởi kiện được tính lại từ thời điểm bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện theo quy định tại Điều 157, 429 của Bộ luật Dân sự, do đó xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 274, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam, buộc Công ty Nam Phong phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số HM0007/HĐTD/MDB và Hợp đồng tín dụng TH0015/HĐTD/MDB ngày 12/11/2012 tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Công ty Nam Phong phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng và Công ty Nam Phong là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng do mục đích của một trong các bên có lợi nhuận phát triển kinh tế, bị đơn là Công ty Nam Phong có địa chỉ tại xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty Nam Phong trả số tiền lãi (lãi quá hạn, lãi trong hạn) của khế ước nhận nợ số 08 ngày 28/10/2013, khế ước nhận nợ số 09 ngày 29/10/2013 và giấy đề nghị nhận tiền vay kèm khế ước nhận nợ ngày 13/11/2012 (tổng số tiền là 1.657.721.551 đồng) và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này do Công ty Nam Phong đã thanh toán hết số tiền nợ gốc của từng khế ước trên vào các ngày 01/10/2017, 27/3/2017 và 28/9/2016. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có thừa nhận nợ gốc, lãi đối với Ngân hàng nhưng không biết số tiền cụ thể là bao nhiêu (bút lục số 208, 217, 218, 219 hồ sơ vụ án). Như vậy, bên có nghĩa vụ đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện, theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại. Mặt khác, tại các khế ước nhận nợ số 06 ngày 24/10/2013, khế ước nhận nợ số 07 ngày 25/10/2013, khế ước nhận nợ số 08 ngày 28/10/2013, khế ước nhận nợ số 09 ngày 29/10/2013 của Hợp đồng tín dụng số HM0007/HĐTD/MDB đều ghi “Khế ước này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng tín dụng” nên bên vay phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng về số tiền vay 3.500.000.000 đồng đã được giải ngân tại các khế ước nhận nợ cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng. Do đó, xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật nên yêu cầu của bị đơn về việc đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn và đánh giá chứng cứ: Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Nam Phong phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD-MDB và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HM0007/HĐTD-MDB ngày 12/11/2012 tính đến hết ngày 29/4/2022 số tiền là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ

gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 30/4/2022 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD-MDB và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HM0007/HĐTD-MDB ngày 12/11/2012, lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định Công ty Nam Phong có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Xét Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD-MDB và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HM0007/HĐTD-MDB ngày 12/11/2012 được ký giữa Ngân hàng và Công ty Nam Phong là tự nguyện, có nội dung, mục đích và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD-MDB và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HM0007/HĐTD-MDB ngày 12/11/2012 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Nam Phong đủ số tiền vay nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Nam Phong không trả được số tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công ty Nam Phong thừa nhận đã thanh toán trả cho Ngân hàng được một phần số tiền nợ gốc, chưa trả được số tiền nợ lãi nào cho Ngân hàng và thừa nhận còn nợ gốc, lãi Ngân hàng. Tuy nhiên, số tiền cụ thể mà Công ty Nam Phong còn nợ Ngân hàng là bao nhiêu thì Công ty Nam Phong không biết rõ và không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc thanh toán công nợ của Công ty Nam Phong cho Ngân hàng. Như vậy, việc khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là Công ty Nam Phong phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 29/4/2022 là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng) và khoản tiền lãi tính từ ngày 30/4/2022 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ gốc vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Nam Phong phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 274, 280, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Phong phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng trung hạn số TH0015/HĐTD/MDB và Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số HM0007/HĐTD/MDB ngày 12/11/2012, tính đến hết ngày 29 tháng 4 năm 2022 số tiền là 5.515.568.369 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.083.440.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 3.052.071.690 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 1.380.056.679 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Phong phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.516.000 đồng (đã làm tròn số). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007796 ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

